

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH L**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2022/DS-ST
Ngày: 27 - 5 - 2022
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T
TỈNH L

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Phan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thuận;
2. Ông Nguyễn Văn Sở.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Thùy Trang – thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 212/2021/TLST-DS, ngày 23 tháng 11 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-DS, ngày 19/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST-DS ngày 11/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 9, đường Nguyễn Đình C, Phường X, thành phố T, tỉnh L.

- Bị đơn: Ông Trần Văn Bé B, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 659, ấp Bình Trung, xã N, thành phố T, tỉnh L.

(Nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Trần Văn Bé B vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện ngày 12/5/2021 và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn, ông Nguyễn Minh Đ như sau:

Ngày 20/4/2020, ông Trần Văn Bé B có vay của ông số tiền 22.600.000đ, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng, ông B có ký nhận nợ tại giấy “Biên nhận”. Khi ông Trần Văn Bé B vay tiền của ông thì có ông Nguyễn Đăng K đứng ra bảo lãnh cho ông B. Tuy nhiên, sau khi vay thì ông B không có trả tiền lãi cho ông. Khi đến hạn trả nợ thì ông B cũng không trả tiền cho ông như đã cam kết. Ông đã nhiều lần đến tìm để yêu cầu ông B trả nợ nhưng không gặp được ông B.

Tại đơn khởi kiện ông yêu cầu ông Trần Văn Bé B và ông Nguyễn Đăng K liên đới trả ông số tiền gốc vay là 22.600.000đ và tiền lãi tính từ ngày vay đến khi xét xử vụ án.

Ngày 08/4/2022, ông có nộp đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: ông chỉ yêu cầu ông Trần Văn Bé B trả số tiền 22.600.000đ, không yêu cầu ông Nguyễn Đăng K phải liên đới cùng ông B trả tiền và cũng không yêu cầu ông B trả tiền lãi.

2. Bị đơn, ông Trần Văn Bé B, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa: Do nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nên không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh L phát biểu:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự, thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn.

Về nội dung vụ án:

- Căn cứ vào biên nhận ngày 20/4/2020 do ông Đ cung cấp có chữ ký của ông Trần Văn Bé B, có cơ sở xác định ông B có vay của ông Đ số tiền 22.600.000đ, thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng, thời hạn trả 01 tháng. Ông Bé B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho ông Đ. Mặt khác, ông B đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong các phiên hòa giải và không có văn bản trình bày ý kiến. Những tình tiết nêu trên được xem như tình tiết không phải chứng minh

theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự là một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Do đó, căn cứ Điều 470 Bộ luật dân sự cần buộc ông B trả cho ông Đ số tiền 22.600.000đ còn nợ.

- Về lãi suất: Ông Đ không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Văn Bé B chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Minh Đ khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn Bé B trả số tiền vay và tiền lãi làm phát sinh quan hệ pháp luật “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Do bị đơn ông Trần Văn Bé B cư trú tại xã Nhơn Thạnh Trung, thành phố T, tỉnh L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Trần Văn Bé B, qua xác minh đã không còn sinh sống theo nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án; Các thông báo về hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông B theo Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, Tòa án cũng đã tiến hành làm thủ tục thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự để tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Trần Văn Bé B nhưng không có kết quả. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Minh Đ khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn Bé B trả số tiền vốn vay là 22.600.000đ. Ông Trần Văn Bé B vắng mặt

trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án niêm yết đầy đủ các thông báo thụ lý vụ án, thông báo về hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử. Trong các thông báo và quyết định này Tòa án có nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn nộp kèm đơn khởi kiện, tuy nhiên ông Trần Văn Bé B không có ý kiến phản đối. Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ là giấy “Biên nhận” ngày 20/4/2020 có chữ ký của ông Trần Văn Bé B với nội dung “...tôi tên Trần Văn Bé B....có mượn của chú Đ 22.600.000đ...” để xác định ông Trần Văn Bé B có nợ của ông Nguyễn Minh Đ số tiền vốn vay là 22.600.000đ. Vì vậy ông Nguyễn Minh Đ khởi kiện là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Do ông Nguyễn Minh Đ không yêu cầu nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Minh Đ về việc yêu cầu ông Nguyễn Đăng K và ông Trần Văn Bé B phải liên đới trả số tiền 22.600.000đ, do ông Đ đã rút lại yêu cầu này và không yêu cầu ông Khánh phải liên đới cùng ông B trả tiền nên Hội đồng xét xử đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Đ được chấp nhận nên ông Trần Văn Bé B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $22.600.000đ \times 5\% = 1.130.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Đ. Buộc ông Trần Văn Bé B phải trả ông Nguyễn Minh Đ số tiền vốn vay là 22.600.000đ (Hai mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, trong trường hợp người phải thi hành án chậm thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn Bé B phải chịu 1.130.000đ (Một triệu một trăm ba mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Minh Đ không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 565.000đ (Năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001121 ngày 17/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh L.

3/ Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND Tp T;
- CC THA DS Tp T;
- Các đương sự.
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Phan